

Số: 118 /2025/QĐ-CTUBND

Sơn La, ngày 24 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được
sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi,
bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số
24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số
56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quản
lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La theo quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, gồm:

a) Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đất để xây dựng trụ sở làm việc) cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 6, Điều 44 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Thẩm quyền quyết định xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng), đơn vị sự nghiệp công lập, dự án sử dụng vốn nhà nước (đối với vật tư, vật liệu không thuộc vật tư,

vật liệu quy định tại khoản 1 Điều 94 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP thu hồi trong quá trình thực hiện dự án có thể tiếp tục sử dụng) theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 13; khoản 3 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 94 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP. Riêng thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định này.

c) Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, g khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan nhà nước theo quy định tại khoản 4, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) theo quy định tại điểm b khoản 3, khoản 4, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

d) Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng) và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ trường hợp trụ sở làm việc trên địa bàn địa phương khác) theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 56 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

đ) Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20, khoản 2 Điều 57 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

e) Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; thẩm quyền quyết định bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

g) Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số

15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP; thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 59 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

h) Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 60 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

i) Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại khoản 2 Điều 34, khoản 2 Điều 61 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

k) Thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

l) Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định 186/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 91 Nghị định 186/2025/NĐ-CP.

2. Các nội dung không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) và các văn bản pháp luật hiện hành.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này, khi được cấp có thẩm quyền được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

4. Quyết định này không áp dụng đối với các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các đơn vị thuộc trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam); tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13, điểm d khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 20 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP).

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật (trừ tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; đất để xây dựng trụ sở làm việc)

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao tài sản bằng hiện vật có nguyên giá đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản bằng hiện vật có nguyên giá đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản do cấp mình đầu tư xây dựng, mua sắm hoặc quản lý cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà).

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, g khoản 1 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại cơ quan nhà nước theo quy định tại khoản 4, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm c khoản 10 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan mình và cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

2. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công quy định tại điểm d, đ, e, g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên) theo quy định tại khoản 4, điểm b khoản 6, điểm b khoản 8, điểm b khoản 9, điểm b khoản 10 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định xử lý vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng), đơn vị sự nghiệp công lập, dự án sử dụng vốn nhà nước (đối với vật tư, vật liệu không thuộc vật tư, vật liệu quy định tại khoản 1 Điều 94 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP thu hồi trong quá trình thực hiện dự án có thể tiếp tục sử dụng) sang cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quyết định này.

2. Thẩm quyền quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi được trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công tại cơ quan nhà nước, dự án sử dụng vốn nhà nước (đối với vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình thực hiện dự án có thể tiếp tục sử dụng; trừ vật tư, vật liệu thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 94 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP) thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định này.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công của cơ quan nhà nước

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công tại các cơ quan nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ trụ sở làm việc; xe

ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị mình (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc quyền quản lý của đơn vị mình (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 7. Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) gồm:

a) Tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng), trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Tài sản công giữa UBND các xã, phường.

c) Tài sản công từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quản lý, sử dụng) sang UBND các xã, phường hoặc ngược lại.

2. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị, thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; xe chuyên dùng, ca nô, tàu, phà) có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Phân cấp thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (trừ xe ô tô; phương tiện vận tải khác) trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15) tại các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 22 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

2. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 58 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị (trừ xe ô tô, phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản).

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ xe ô tô, phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài

sản, có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã (trừ xe ô tô, phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản).

Điều 9. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước (trừ trụ sở làm việc; xe ô tô; phương tiện vận tải khác)

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

2. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

b) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc

phạm vi quản lý của UBND cấp xã (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô, phương tiện vận tải khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản).

Điều 10. Phân cấp thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) tại cơ quan mình và cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu hủy tài sản công có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; phương tiện vận tải khác) của cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

Điều 11. Phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư)

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá dưới 03 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan mình và cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

Điều 12. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án

sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Nghị định 186/2025/NĐ-CP, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 91 Nghị định 186/2025/NĐ-CP

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý theo hình thức giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc phục vụ hoạt động của dự án khác thuộc cấp xã quản lý; bán; thanh lý; tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 / 12 /2025.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 14;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh
- Sở Tư pháp;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình tỉnh;
- VP UBND tỉnh (LĐ, CVCK);
- Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Việt